TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUẦN GIÁO** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29 /5/2025.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bạc Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2025/TLST-HN&GĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Cà Thị S**; năm sinh 2001; địa chỉ: Bản T, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Cà Thị S: Ông Nguyễn Đình T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn T1**, sinh năm 1995; địa chỉ: Bản T, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên - Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2025, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Cà Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị Cà Thị S và anh Lò Văn T1 chung sống như vợ chồng từ năm 2018 đến ngày 18/9/2020 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên, kết hôn tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với cha mẹ chồng tại bản Thín B, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên hạnh phúc 03 năm, thì phát sinh mâu thuẫn, do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, nhiều lần vợ chồng hòa giải nhưng không thành, anh chị đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, chị Cà Thị S đã bỏ về cha mẹ đẻ sinh sống. Từ khi

sống ly thân anh chị không còn quan tâm, yêu thương, liên lạc gì với nhau. Tình cảm vợ chồng không còn, chị Cà Thị S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn T1.

Về con chung: Chị Cà Thị S và anh Lò Văn T1 có 01 con chung; cháu Lò Thị Hà T2, sinh ngày 29/6/2018 hiện chị Cà Thị S đang trực tiếp nuôi dưỡng con. Khi ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Lò Thị Hà T2, sinh ngày 29/6/2018 cho chị Cà Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Chị Cà Thị S có thu nhập bình quân từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng trên một tháng, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và tài sản riêng; nợ chung và nợ riêng: Chị Cà Thị S và anh Lò Văn T1 không có.

Ngày 28/02/2025 thụ lý vụ án, đến ngày 04/3/2025 Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú, lời khai của bà Cà Thị P (mẹ đẻ anh Lò Văn T1), lời khai ngày 25/4/2025 của ông Cà Văn L và bà Lò Thị H (cha mẹ đẻ chị Cà Thị S) về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con của anh chị, qua xác minh cho thấy: Anh Lò Văn T1 và chị Cà Thị S sinh sống tại bản T, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên từ năm 2018 đến năm 2023 không có mâu thuẫn gì. Từ cuối năm 2023 chị Cà Thị S đi làm công nhân ở thành phố Hà Nội, anh Lò Văn T1 ở nhà lao động sản xuất nông nghiệp, hai vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn; chị Cà Thị S cho rằng anh Lò Văn T1 thường xuyên tụ tập bạn bè không chịu khó làm ăn, chăm lo cho gia đình và vợ chồng anh chị thường xuyên cãi nhau. Chị Cà Thị S đã về nhà cha mẹ đẻ sinh sống từ năm 2023 và anh chị sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay; chị Cà Thị S đang là người trực tiếp nuôi cháu Lò Thị Hà T2, sinh ngày 29/6/2018. Hiện tại anh Lò Văn T1 đang đi làm công nhân ở thành phố Hà Nội, không báo địa chỉ nơi làm việc với gia đình và địa phương; nên gia đình và địa phương không nắm rõ anh Lò Văn T1 làm việc cụ thể ở đâu, không thể tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh Lò Văn T1. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết các văn bản tố tụng anh Lò Văn T1 vẫn không có mặt nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Ngày 28/4/2025 Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự nhưng anh Lò Văn T1 vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về sự vắng mặt không có lý do của anh Lò Văn T1 và tiến hành niêm yết thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật. Ngày 28/4/2025, chị Cà Thị S đã có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 16/5/2025, Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo mở phiên tòa xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/4/2025 và đã tống đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật, anh Lò Văn T1 vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa theo luật định.

Tại phiên tòa ngày 29/5/2025, chị Cà Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện và bản tự khai. Anh Lò Văn T1 vắng mặt lần 2 không có lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trình bày: Chị Cà Thị S và anh Lò Văn T1 chung sống như vợ chồng từ năm 2018 đến ngày 18/9/2020 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên, kết hôn tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được 03 năm, thì phát sinh mâu thuẫn, do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, nhiều lần vợ chồng hòa giải nhưng không thành, anh chị đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Từ khi sống ly thân anh chị không còn quan tâm, yêu thương nhau. Tình cảm vợ chồng không còn, chị Cà Thị S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn T1. Xét thấy mâu thuẫn của chị Cà Thị S và anh Lò Văn T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên xử chị Cà Thị S được ly hôn với anh Lò Văn T1. Về con chung đề nghị giao cháu Lò Thị Hà T2, sinh ngày 29/6/2018 cho chị Cà Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên và có khả năng lao động; chị Cà Thị S có thu nhập bình quân từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng trên một tháng, đảm bảo được cuộc sống hàng ngày cho con, không yêu cầu anh Lò Văn T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị Cà Thị S.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thấy rằng. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong việc giải quyết vụ án, đảm bảo việc giải quyết vụ án kịp thời, đúng pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo không có yêu cầu, kiến nghị gì. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cà Thị S. Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Cà Thị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và địa chỉ của các đương sự, Tòa án xác định đây là vụ án: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo quy định

tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp xác minh sự vắng mặt của bị đơn nơi cư trú, tình trạng hôn nhân, tống đạt và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Lò Văn T1, nhưng anh Lò Văn T1 vẫn không có mặt tại Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự, anh Lò Văn T1 đã tự từ bỏ các quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình. Ngày 28/4/2025 chị Cà Thị S có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải lần 2, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Cà Thị S, được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lò Văn T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt chị Cà Thị S và anh Lò Văn T1 tại phiên tòa.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Về kết hôn: Chị Cà Thị S và anh Lò Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Căn cứ vào bản sao Giấy chứng kết hôn ngày 18/9/2020 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Cà Thị S và anh Lò Văn T1 là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Chị Cà Thị S khai nguyên nhân mâu thuẫn gia đình do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn tới vợ chồng bất hòa hay cãi nhau và đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Tại biên bản xác minh nơi cư trú, lời khai của cha mẹ đẻ anh Lò Văn T1 ngày 04/3/2025 tại bản Thín B, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên thể hiện, từ cuối năm 2023 chị Cà Thị S đi làm công nhân ở thành phố Hà Nội, anh Lò Văn T1 ở nhà lao động sản xuất nông nghiệp, hai vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn; chị Cà Thị S cho rằng anh Lò Văn T1 thường xuyên tụ tập bạn bè không chịu khó làm ăn, chăm lo cho gia đình và vợ chồng anh chị thường xuyên cãi nhau.

Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của chị Cà Thị S về tình trạng hôn nhân là có căn cứ phù hợp với các biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, thực tế anh chị đã sống ly thân và trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm tới ai. Hội đồng xét xử nhận định chị Cà Thị S và anh Lò Văn T1 không còn tình cảm vợ chồng; không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cà Thị S.

[4] Về con chung: Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2025 thể hiện, bà Lò Thị H (mẹ đẻ chị Cà Thị S) đang trực tiếp hỗ trợ chị Cà Thị S chăm sóc cháu Lò Thị Hà T2, sinh ngày 29/6/2018; chị Cà Thị S đi làm hàng tháng gửi tiền cho bà Lò Thị H từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng để nuôi dưỡng cháu Lò Thị Hà T2; anh Lò Văn T1 thường xuyên đi làm thuê ở xa, không thông tin về gia đình, không gửi tiền nuôi dưỡng hoặc hỗ trợ việc chăm sóc cháu Lò Thị Hà T2. Xét thấy, yêu cầu nuôi con sau ly hôn của chị Cà Thị S đã đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Căn cứ theo quy định tại Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị Cà Thị S có thu nhập bình quân từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng trên một tháng, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Cà Thị S và anh Lò Văn T1 không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Phát biểu của kiểm sát viên: Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự: Xét thấy đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Cà Thị S là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí: Chị Cà Thị S là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào Điều 9, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Cà Thị S được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 69, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 9, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cà Thị S đối với bị đơn anh Lò Văn T1.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Cà Thị S được ly hôn anh Lò Văn T1.

- Về con chung:

Giao cháu Lò Thị Hà T2, sinh ngày 29/6/2018 cho chị Cà Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thanh niên và có khả năng lao động. Chị Cà Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Cà Thị S có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; anh Lò Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị Cà Thị S và anh Lò Văn T1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Cà Thị S.

3. Quyền kháng cáo: Chị Cà Thị S và anh Lò Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc ngày niêm yết bản án sơ thẩm tại Ủy ban nhân dân xã N cư trú.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- UBND xã M
(Cơ quan thực hiện ĐKKH);
- Người BVQVLIHP của ĐS;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Việt Hương